

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình
hồ chứa nước Mang Mang, huyện Vĩnh Lộc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 03/2022/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1249/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện khôi phục hồ sơ các hồ chứa nước lớn và vừa đã bàn giao cho các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 1251/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 về việc gia hạn thời gian thực hiện khôi phục hồ sơ các hồ chứa nước đã bàn giao cho các Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 1492/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 về việc chấp thuận điều chỉnh việc thực hiện khôi phục hồ sơ các hồ chứa nước theo các Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 12/4/2022, số 1251/QĐ-UBND ngày 29/3/2024;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 160/BC-SNNMT ngày 06/6/2025 và Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Sông Mã tại Tờ trình số 247/TTr-NSM ngày 28/5/2025 về việc phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Mang Mang, xã Vĩnh Phúc và Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đập, hồ chứa nước Mang Mang, huyện Vĩnh Lộc, với các nội dung chính như sau:

1. Mục đích: cắm mốc chỉ giới để xác định phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Mang Mang do Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã quản lý nhằm chủ động trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.

2. Phạm vi cắm mốc chỉ giới: toàn bộ các hạng mục công trình đầu mối và vùng lòng hồ.

3. Tổng số lượng mốc chỉ giới, gồm 22 mốc (từ mốc CTTL.01-CTTL.22), cụ thể:

- Phạm vi vùng phụ cận đập chính là 50m tính từ chân đập và vai đập trở ra được giới hạn trong phạm vi các mốc tọa độ từ CTTL.09 đến CTTL.16;

- Phạm vi vùng phụ cận đập phụ, tràn là 50m tính từ chân đập, tràn trở ra được giới hạn trong phạm vi các mốc tọa độ từ CTTL.17 đến CTTL.22.

- Phạm vi vùng phụ cận lòng hồ được tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập (+16.20)m được giới hạn trong phạm vi các mốc tọa độ từ CTTL.01 đến CTTL.08 trở xuống phía lòng hồ.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

4. Quy cách mốc chỉ giới: cột mốc bằng bê tông cốt thép M200 đúc sẵn, chiều cao mốc 90 cm, mặt cắt ngang (15cm x 15cm); đế mốc bằng bê tông đổ tại chỗ M200, chiều sâu chôn mốc 40cm, mặt cắt ngang (40cm x 40cm), thân mốc nhô lên khỏi mặt đất tự nhiên 50cm.

5. Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong năm 2025.

6. Nguồn vốn thực hiện: từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh, nguồn vốn của Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã:

- Chủ trì, phối hợp với UBND huyện Vĩnh Lộc, UBND các xã Vĩnh Phúc, Vĩnh Hưng thực hiện việc cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Mang Mang, huyện Vĩnh Lộc trên thực địa theo đúng phương án được phê duyệt.

- Bàn giao mốc giới cho UBND cấp xã nơi có hồ chứa để quản lý, bảo vệ theo quy định của pháp luật. Trường hợp phạm vi bảo vệ công trình bị lấn chiếm, sử dụng trái phép hoặc thực hiện các hoạt động khi chưa có giấy phép hoặc thực hiện không đúng nội dung của giấy phép được cấp thì phải kịp thời phát hiện, báo cáo và phối hợp với chính quyền địa phương để xử lý theo quy định.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có thay đổi so với phương án được phê duyệt, Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã phải có văn bản báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và chỉ được điều chỉnh, bổ sung sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Phương án này; kịp thời báo cáo, tham mưu đề xuất UBND tỉnh những nội dung vượt thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc; Chủ tịch UBND các xã: Vĩnh Phúc, Vĩnh Hưng; Chủ tịch và Giám đốc Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Lưu: VT, NNMT, TTPVHCC .

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

Phụ lục: Bảng tổng hợp các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đập, hồ chứa nước Mang Mang, huyện Vĩnh Lộc.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên mốc	Vị trí mốc (đơn vị hành chính cấp xã)	Tọa độ VN2000 Kinh tuyến trục 105°00 múi chiều 3°		Cao độ mốc VN2000 (m)	Khoảng cách giữa hai mốc liền kề (m)	Đặc điểm địa hình	Ghi chú
			X	Y				
I	Mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đầu mối							
I.1	Đập chính							
1	CTTL.09	Xã Vĩnh Phúc	2219828,160	566751,048	15.78	0,00	Đất trồng lúa (đất do UBND xã Vĩnh Phúc quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (vai tả đập)
2	CTTL.10	Xã Vĩnh Phúc	2219885,134	566798,200	11.68	73,96	Đất trồng lúa (đất do UBND xã Vĩnh Phúc quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía hạ du chân đập chính)
3	CTTL.11	Xã Vĩnh Phúc	2219892,614	566897,920	9.62	100,00	Đất trồng lúa (đất do UBND xã Vĩnh Phúc quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía hạ du chân đập chính)
4	CTTL.12	Xã Vĩnh Phúc	2219899,986	566997,648	9.66	100,00	Đất trồng lúa (đất do UBND xã Vĩnh Phúc quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía hạ du chân đập chính)
5	CTTL.13	Xã Vĩnh Phúc	2219907,549	567097,362	9.35	100,00	Đất trồng lúa (đất do UBND xã Vĩnh Phúc quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía hạ du chân đập chính)
6	CTTL.14	Xã Vĩnh Phúc	2219915,007	567197,083	9.05	100.00	Đất trồng lúa (đất do UBND xã Vĩnh Phúc quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía hạ du chân đập chính)
7	CTTL.15	Xã Vĩnh Hưng	2219922,466	567296,804	9.05	100,00	Đất trồng lúa (đất do UBND xã Vĩnh Hưng quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía hạ du chân đập chính)
8	CTTL.16	Xã Vĩnh Hưng	2219875,994	567351,407	11.68	71,70	Đất trồng lúa (đất do UBND xã Vĩnh Hưng quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (vai hữu đập)
I.2	Đập phụ, tràn							
1	CTTL.17	Xã Vĩnh Phúc	2219091,773	566629,117	20.50	0,00	Đất trồng rừng sản xuất (đất do UBND xã Vĩnh Phúc quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (vai tả đập phụ)
2	CTTL.18	Xã Vĩnh	2219148,509	566591,059	16.78	68,32	Đất trồng rừng sản xuất (đất do	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình

TT	Tên mốc	Vị trí mốc (đơn vị hành chính cấp xã)	Tọa độ VN2000 Kinh tuyến trục 105°00 múi chiều 3°		Cao độ mốc VN2000 (m)	Khoảng cách giữa hai mốc liền kề (m)	Đặc điểm địa hình	Ghi chú
			X	Y				
		Phúc					UBND xã Vĩnh Phúc quản lý)	(phía hạ du chân đập phụ)
3	CTTL.19	Xã Vĩnh Phúc	2219210,090	566603,824	12.78	62,89	Đất trồng rừng sản xuất (đất UBND xã Vĩnh Phúc)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía hạ du chân đập phụ)
4	CTTL.20	Xã Vĩnh Phúc	2219308,008	566624,123	17.51	100,00	Đất trồng rừng sản xuất (đất do UBND xã Vĩnh Phúc quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía hạ du chân đập phụ)
5	CTTL.21	Xã Vĩnh Phúc	2219405,431	566645,072	16.20	100,00	Đất trồng rừng sản xuất (đất do UBND xã Vĩnh Phúc quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía hạ du chân đập phụ)
6	CTTL.22	Xã Vĩnh Phúc	2219438,148	566703,044	16.20	66,78	Đất trồng rừng sản xuất (đất do UBND xã Vĩnh Phúc quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (vai hữu đập phụ)
II	Mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ khu vực lòng hồ							
1	CTTL.01	Xã Vĩnh Phúc	2219822,718	567341,643	16.20	0,00	Mép đường đất (đường giao thông nông thôn do UBND xã Vĩnh Phúc quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)
2	CTTL.02	Xã Vĩnh Phúc	2219437,072	567341,643	16.20	387,20	Ranh giới đất chưa sử dụng và đất trồng cây hàng năm của nhà ông Trần Minh Phương	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)
3	CTTL.03	Xã Vĩnh Phúc	2219125,224	567676,332	16.20	457,46	Ranh giới đất chưa sử dụng và đất trồng rừng của nhà ông Trần Minh Phương	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)
4	CTTL.04	Xã Vĩnh Phúc	2218887,415	567791,546	16.20	246,25	Đất ở nhà ông Lê Văn Hùng	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)
5	CTTL.05	Xã Vĩnh Phúc	2219035,336	567388,922	16.20	428,94	Mép đường đất (đường giao thông nông thôn do UBND xã Vĩnh Phúc quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)
6	CTTL.06	Xã Vĩnh Phúc	2218959,647	566969,659	16.20	426,04	Đất trồng rừng sản xuất (đất do UBND xã Vĩnh Hưng quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)

TT	Tên mốc	Vị trí mốc (đơn vị hành chính cấp xã)	Tọa độ VN2000 Kinh tuyến trục 105°00 múi chiều 3°		Cao độ mốc VN2000 (m)	Khoảng cách giữa hai mốc liền kề (m)	Đặc điểm địa hình	Ghi chú
			X	Y				
7	CTTL.07	Xã Vĩnh Phúc	2219124,033	566687,280	16.20	326,74	Đất trồng rừng sản xuất của nhà ông Trần Văn Thìn	<i>Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)</i>
8	CTTL.08	Xã Vĩnh Phúc	2219785,229	566798,246	16.20	359,90	Đất bằng chưa sử dụng (đất do UBND xã Vĩnh Phúc quản lý)	<i>Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)</i>